TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-4-2019
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nghĩa.
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Huệ.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: ấp 4, xã Mỹ Quý T, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Hồ Hữu D - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: ấp 2, xã Mỹ Quý T, huyện C, tỉnh Long An.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2018 các văn bản tiếp theo bà Nguyễn Thị Kim H trình bày và yêu cầu: Bà và ông Hồ Hữu D cưới nhau ngày 05/12/2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý Tây ngày 12/4/2016. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 6 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Bà và ông D đã ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay.

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Hồ Hữu D.

- Về nuôi con chung: Bà và ông D có 01 con chung tên Hồ Hải Đăng, sinh ngày 16/6/2016 (hiện đang sống với bà H). Khi ly hôn bà H yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Hồ Hữu D được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Hồ Hữu D, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà H và ông D chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An ngày 12/4/2016. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[3] Bà Nguyễn Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

[4] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Hồ Hữu D được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng ông D không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà H theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, ông D không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ và tham gia phiên tòa vì ông không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[5] Ông D đã được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó, xét nội dung vụ án theo trình bày của bà Hồng.

[6] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim H: Bà H không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho trình bày và yêu cầu của bà là có căn cứ và hợp pháp. Xét bà H và ông D phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, bà H và ông D ly thân tháng 10/2018 đến nay và hiện nay vẫn đang sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà H và ông D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của

bà H là có căn cứ, phù hợp quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[7] Về nuôi con chung: Xét bà H và ông D có 01 con chung tên Hồ Hải Đăng, sinh ngày 16/6/2016 (hiện đang sống với bà H). Khi ly hôn bà H yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 107 và 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[8] Xét về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu không đề cập giải quyết. Nếu sau này xảy ra tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[9] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà Hồng là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn được khấu trừ 300.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà Hồng đã nộp đủ án phí. Ông Duy không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H đối với ông Hồ Hữu D về việc "ly hôn".

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với ông Hồ Hữu D.

Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Kim H được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Hồ Hải Đăng, sinh ngày 16/6/2016 (hiện đang sống với bà Hồng), ông Hồ Hữu D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Hồ Hữu D được quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích của con chung, bà H và ông D được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu, không đề cập giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kim H chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự

sơ thẩm đã nộp (biên lai thu số 0004359 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ), bà Hồng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Thị Vụ